TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2016/KDTM- ST
Ngày: 27- 4- 2016
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú và bà Nguyễn Thị Thinh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2016/TLST-KDTM ngày 10/11/2015 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2016/QĐST-KDTM ngày 18/3/2016 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số X, đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh V, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Q – Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N, chi nhánh V, tỉnh Ninh Bình (văn bản ủy quyền số 06/NHNo-TD ngày 26/5/2015).

Địa chỉ: Số Y, đường M, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Minh T.

Địa chỉ: Số N, ngõ M, đường H, phố H, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, có mặt: Bà Phạm Thị Q; vắng mặt: Ông Nguyễn Ngọc H bà Trần Thị Minh T.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 6/11/2015, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ xuất trình, nguyên đơn (Ngân hàng N) trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng số 201300816/HĐTD ngày 08/8/2013, mục đích vay vốn kinh doanh hàng mã, đồ thờ. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2013.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 695.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 27/4/2016 là : 231.155.833 đồng; tổng số tiền là: 926.155.833 đồng và các khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28/4/2016 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đề nghị Tòa án giao cho Ngân hàng N tiếp tục quản lý các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp của ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T để Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại thu hồi vốn cho Ngân hàng trong trường hợp ông H, bà T không trả nợ cho Ngân hàng. Tài sản ông H, bà T đã thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với diện tích 170m^2 thuộc thửa đất 112, tờ bản đồ 6PL8 tại thôn T, xã T, thành phố N (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-023 ngày 07/8/2012);

- Quyền sử dụng đất với diện tích 130,5 m^2 thuộc thửa đất 148, tờ bản đồ 34 và tài sản gắn liền với đất (nhà + công trình phụ) tại phố H, phường T, thành phố N (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-024 ngày 07/8/2012).

Tại bản tự khai ngày 01/12/2015, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (ông Nguyễn Ngọc H) trình bày:

Ngày 08/8/2013, ông Nguyễn Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N, để vay vốn kinh doanh.

Sau khi vay được tiền của Ngân hàng, toàn bộ số tiền vay được vợ ông là bà Trần Thị Minh T giữ. Việc bà T sử dụng tiền vay như thế nào, ông H không được biết. Nay đã đến hạn trả nợ, nhưng vợ chồng ông chưa trả được nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa án. Từ ngày nhận được giấy triệu tập của Tòa án (ngày 25/11/2015), bà T nói đi đòi nợ trả cho Ngân hàng đến nay chưa về. Ông H xác nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 695.000.000 đồng và tiền lãi. Ông H đề nghị Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông H thêm thời gian để thu xếp trả nợ.

Trường hợp gia đình ông không trả được nợ cho Ngân hàng N, ông H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và ông đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Minh T không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại (hợp đồng tín dụng) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ tại phường T, thành phố Ninh Bình. Vì vậy, căn cứ vào điểm m, khoản 1, Điều 29; điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Bị đơn - Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trong thời hạn quy định. Do đó, cần được chấp nhận thụ lý để giải quyết.

3. Về yêu cầu của các đương sự :

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã kí kết nên nguyên đơn (Ngân hàng N) khởi kiện, yêu cầu bị đơn (vợ chồng ông H, bà T) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số nợ đến ngày27/4/2016 là 926.155.833 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 695.000.000 đồng, tiền nợ lãi là: 231.155.833 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Đề nghị Tòa án giao cho Ngân hàng N tiếp tục quản lý các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp của ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T để Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án phát mại thu hồi vốn cho Ngân hàng trong trường hợp ông H, bà T không trả nợ cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Ngọc H xác nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 695.000.000 đồng và tiền lãi. Ông H đề nghị Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông H thêm thời gian để thu xếp trả nợ. Trường hợp gia đình ông không trả được nợ cho Ngân hàng N, ông H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và ông đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ

Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H đã xác nhận đầy đủ dư nợ tiền gốc và tiền lãi.

Bị đơn là bà Trần Thị Minh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không xuất trình ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao nộp các tài liệu chứng cứ có liên quan để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 01/2/2016, Ngân hàng N có đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của bà Trần Thị Minh T. Ngày 04/2/2016, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký của bà Trần Thị Minh T trong các hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-023 ngày 07/8/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-024 ngày 07/8/2012, giấy ủy quyền ngày 06/8/2013. Tại bản kết luận giám định số 13 ngày 29/02/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ ký mang tên Trần Thị Minh T dưới mục " Người vay" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Trần Thị Minh T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn ngày 08/8/2013 của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Minh T, hợp đồng tín dụng số 201300816/HĐTD ngày 08/8/2013, hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-023 ngày 07/8/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-024 ngày 07/8/2012, giấy nhận nợ ngày 08/8/2013 ký kết giữa Ngân hàng N với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T và bản kết luận giám định số 13 ngày 29/2/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình thì các bên tự nguyện giao dịch và đúng theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật đất đai, Luật các tổ chức tín dụng và nghị định của Chính phủ về giao dịch có bảo đảm. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí giám định, Ngân hàng N đã thanh toán và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản chi phí này.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm m, khoản 1, Điều 29; Điều 131; Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 355 và Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 81 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 695.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 27/4/2016 là 231.155.833 đồng; tổng số tiền là 926.155.833 đồng và các khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28/4/2016 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng .

Kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Minh T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền cho bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất với diện tích 170m^2 thuộc thửa đất 112, tờ bản đồ 6PL8 tại thôn T, xã T, thành phố N mang tên ông H, bà T (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-023 ngày 07/8/2012);

- Quyền sử dụng đất với diện tích 130,5 m^2 thuộc thửa đất 148, tờ bản đồ 34 và tài sản gắn liền với đất (nhà + công trình phụ) tại phố H, phường T, thành phố N mang tên ông H, bà T (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-024 ngày 07/8/2012).

Ngân hàng N tiếp tục quản lý giấy tờ về quyền sở hữu , sử dụng các tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án theo các hợp đồng thế chấp gồm : Hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-023 ngày 07/8/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 2012-024 ngày 07/8/2012.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Minh T phải nộp: 39.785.000 đồng *(Ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).*

- Ngân hàng N không phải nộp án phí; hoàn lại cho Ngân hàng N 19.060.000 đồng *(Mười chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/06169 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Báo cho Ngân hàng N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THA dân sự TP Ninh Bình;
- Các đơng sự;
- L- u.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH
Thẩm phán
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Thị Hiền